

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HOÀ
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: **31/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 27/7/2020

V/v: Hôn nhân gia đình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trương Đức Lâm

2/ Ông Lê Thanh Miên.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Mai- Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên tòa:

Bà Dương Thị Thúy- Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 7 năm 2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXX- ST ngày 10 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *NguY đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn M, xã G, huyện N, tỉnh N- Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Tạ Hữu Y, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh B- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 15/02/2020, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (chị Nguyễn Thị T) trình bày: Chị và anh Tạ Hữu Y cưới nhau có tình hiểu và hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 28/6/2017 tại UBND xã H. Sau khi cưới chị về nhà anh Y làm dâu ngay và sống chung sống cùng gia đình anh Y, sau đó hai vợ chồng xuống Hà Nội sinh sống, làm ăn. Tình cảm vợ chồng bình thường được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Y chơi bời, cờ bạc, chị và gia đình

đã can ngăn nhưng không được dẫn tới vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và thường xảy ra cãi cọ với nhau. Mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình động viên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Do mâu thuẫn căng thẳng và trầm trọng nên chị đã chuyển về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 06/2019, sau đó về Hà Nội sống riêng từ tháng 9/2019, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, chấm dứt mọi quan hệ, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm gì với anh Y, vì vậy chị làm đơn xin ly hôn anh Y, đề nghị Tòa giải quyết để chị được ly hôn anh Y.

- Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Tạ Nguyễn Nhật Q, sinh 02/01/2018, hiện nay cháu đang ở với chị, cháu vẫn phát triển bình thường. Vợ chồng ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi con chung của vợ chồng. Về cấp dưỡng nuôi con chị yêu cầu anh Y phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cùng chị mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi tròn. Hiện nay chị không mang thai.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất và các quan hệ khác: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn (anh Tạ Hữu Y) trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T cưới nhau có tình cảm và hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 28/6/2017 tại UBND xã H. Sau khi cưới chị T về nhà anh làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình được vài hôm thì vợ chồng xuống Hà Nội thuê nhà ở để đi làm tại Hà Nội. Tình cảm vợ chồng vẫn bình thường, tuy nhiên đến cuối năm 2019 giữa anh và chị T xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do lỗi của anh trong việc làm ăn kinh tế nên vợ chồng xảy ra cãi cọ với nhau. Do công việc nên từ đầu năm nay anh chuyển về Hiệp Hòa ở để làm ăn chứ không phải là sống ly thân. Nay anh xác định vẫn còn tình cảm với chị T, còn chị T có còn tình cảm với anh hay không anh không khẳng định được, vì vậy chị T làm đơn xin ly hôn anh không đồng ý, trường hợp chị T cương quyết xin ly hôn anh vẫn không đồng ý. Lý do anh không đồng ý là vì anh vẫn còn tình cảm với chị Y và vợ chồng đã có con chung nên không muốn con phải xa bố mẹ và việc mâu thuẫn giữa hai vợ chồng theo anh là chưa đến mức căng thẳng phải ly hôn. Việc chị T xác định vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2019 cho đến nay, khoảng 4 tháng đầu thì hai vợ chồng còn có sự quan tâm đến nhau, sau đó thì hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa là không đúng mà anh vẫn đi lại thăm hai mẹ con thường xuyên, chỉ đến cuối tháng 9, đầu tháng 10 năm 2019 chị Y lên Hà Nội thì mỗi tuần anh đến gặp vợ con một lần, đến tháng 10 hoặc 11/2019 do công việc thì mỗi tháng anh gặp vợ con một lần. Do đó anh xác định việc hai vợ chồng ở hai nơi khác nhau nhưng anh vẫn thỉnh thoảng đến thăm vợ con như vậy không phải là sống ly thân như chị T trình bày.

- Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung là Tạ Nguyễn Nhật Q, sinh 02/01/2018, hiện nay cháu đang ở với mẹ. Trường hợp vợ chồng phải ly

hôn thì anh đề nghị được nuôi con chung của vợ chồng và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất và các quan hệ khác: Anh xác định vợ chồng anh không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Tạ Hữu Y.

Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi cháu Tạ Nguyễn Nhật Q, sinh 02/01/2018. Anh Tạ Hữu Y phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Y hàng tháng, mức cấp dưỡng là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/1 tháng, tính từ tháng 7/2020 trở đi cho đến khi con đủ 18 tuổi tròn. Anh Tạ Hữu Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003619 ngày 25/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Tạ Hữu Y phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về tố tụng:** Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 15/02/2020 của chị Nguyễn Thị T đây xác định là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Tạ Hữu Y (là bị đơn) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng đương sự vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn có tên nêu trên.

[2]. **Về quan hệ tranh chấp:**

[2].1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị T và anh Tạ Hữu Y kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[2].2. *Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của chị T thấy rằng*: Qua các chứng cứ do các bên xuất trình, lời khai của người làm chứng được biết: Vợ chồng chị T, anh Y từ khi kết hôn có thời gian chung sống bình thường nhưng tình cảm vợ chồng đã không duy trì phát triển được và phát sinh mâu thuẫn. Xuất phát từ việc hai vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm, chị T xác định anh Y chơi bời, cờ bạc nên vợ chồng hay cãi nhau. Đến tháng 6/2019 thì chị T đã chuyển hẳn ra khỏi nhà, không chung sống cùng anh Y nữa, vợ chồng chính thức sống ly thân, đã cắt đứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Chị T xác định không còn tình cảm gì với anh Y nữa, anh Y xác định vẫn còn tình cảm với chị T, mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng lại không có cách nào thuyết phục được chị T đoàn tụ cùng anh Y. Qua trao đổi địa phương cung cấp anh Y tính tình hay chơi bời, đôi khi có lỗi xử sự với gia đình chưa được tốt, địa phương đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, trường hợp không hòa giải được thì đề nghị giải quyết theo pháp luật. Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải nhưng chị T vẫn cương quyết xin ly hôn anh Y vì xác định không còn tình cảm gì và không thể đoàn tụ chung sống với anh Y được nữa. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Y đã phát triển trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh Y không đồng ý ly hôn chị T chỉ là gây khó khăn cho chị T trong việc đề nghị ly hôn, thực tế quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh Y thực sự đã tan vỡ. Vì vậy, cần áp dụng điều 55 của Luật hôn nhân gia đình để giải quyết cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Tạ Hữu Y là phù hợp, cho nên yêu cầu xin ly hôn của chị T cần được chấp nhận.

[2].3. *Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của hai bên thấy rằng*: Chị T và anh Y đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Tạ Nguyễn Nhật Q, sinh 02/01/2018, hiện nay cháu đang ở với chị T và vẫn phát triển bình thường. Ly hôn, chị T và anh Y đều đề nghị được trực tiếp nuôi con chung của vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu Q vẫn chưa đủ 36 tháng tuổi, theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì người mẹ được trực tiếp nuôi dưỡng, mặt khác từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay chị T vẫn là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q. Vì vậy, cần giao cho chị T trực tiếp nuôi con chung của vợ chồng (cháu Tạ Nguyễn Nhật Q) là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình. Anh Y được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2].4. *Xét yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con của đương sự thấy rằng*: Tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, chị T yêu cầu anh Y phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cùng chị T, mỗi tháng là 1.000.000đ/1 tháng, xét là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, anh Y phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng

tháng cùng chị T, mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/1 tháng, tính từ tháng 7/2020 trở đi cho đến khi con đủ 18 tuổi tròn.

[2].5. Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

[2].6. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Tạ Hữu Y.

Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi cháu Tạ Nguyễn Nhật Q, sinh 02/01/2018. Anh Tạ Hữu Y phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Y hàng tháng, mức cấp dưỡng là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/1 tháng, tính từ tháng 7/2020 trở đi cho đến khi con đủ 18 tuổi tròn. Anh Tạ Hữu Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003619 ngày 25/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Tạ Hữu Y phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuY án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh BG
- VKSNDHiệp Hoà
- THADS Hiệp Hoà;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- chủ tọa phiên toà

Nguyễn Xuân Toàn